

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH T
TỈNH BÐ**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-
ST

Ngày: 01/8/2022

“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH T, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Duân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Chung;
2. Ông Nguyễn Hồng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đức Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, về việc: *“Ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, **Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022**, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1976 – Có mặt
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm: 1975 – Vắng mặt lần 2, không lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2022 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, vào ngày 31/5/2002 bà và ông Nguyễn Văn Ngh đến UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ để đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn được mấy năm, bà Th chuyển khẩu về ở phía ông Ngh tại thôn Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh T, tỉnh BÐ. Thời gian đầu hai vợ chồng bà sống hạnh phúc cả hai lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay vợ chồng bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều lý do: Ông Ngh bắt đầu đi ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, ông

thường ăn nhậu say xỉn, cờ bạc, không có trách nhiệm, không làm ăn để chăm lo, phát triển kinh tế gia đình. Những việc này đã gây hậu quả nghiêm trọng cho bà và các con chung. Vì muốn gia đình được hạnh phúc và thương các con, nên bà đã nhiều lần khuyên nhủ trước việc làm sai trái của ông Ngh, nhưng ông vẫn không có gì thay đổi. Từ những nguyên nhân đó đã dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên vợ chồng đã sống ly thân khoản 4 tháng trở lại đây. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn Ngh.

Về con chung : Trong thời kỳ hôn nhân, bà với ông Ngh có 02 con chung là: Nguyễn Văn C, sinh ngày: 25/02/1998 và Nguyễn Thị V, sinh ngày: 23/02/2001. Hiện nay, cháu C, cháu V đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường về tất cả mọi mặt, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh, trong suốt thời gian giải quyết vụ án đều không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Các con của vợ chồng bà Th đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về mọi mặt, không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là quan hệ pháp luật về: “Ly hôn” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Bị đơn Ngh cư trú tại huyện Vĩnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh T, tỉnh BD theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn Th chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn Ngh vắng

mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Ngh đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt, thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ngh tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nghị.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Ngh được xác lập kể từ khi ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2002 tại UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh T, tỉnh BĐ - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua quá trình Tòa án làm việc, tiến hành xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế tình trạng Hôn nhân của bà Th và ông Ngh đúng như trong Đơn khởi kiện và lời khai của bà Th. Vợ chồng bà đã mâu thuẫn từ 05 năm trở lại đây. Tại phiên tòa, bà Th giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Ngh. Như vậy, có cơ sở chứng minh Hôn nhân của bà Th, ông Ngh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[3]. *Về con chung*: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, thì hiện tại cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày: 25/02/1998 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày: 23/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về các mặt, nên Tòa không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Th không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn Ngh.

- *Về con chung:* Các con của bà Th đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường về mọi mặt, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Th không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006538 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh T.

Bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn Ngh không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày ông Ngh nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BĐ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh,
tỉnh Bình Định)
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Duân

